|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **TinhCach** | **MoTa** | **TrangPhuc** | **PhuKien** | **TrangDiem** | **KieuToc** |
| T01 | Luộm thuộm | Những người này luôn mặc trang phục trong tình trạng nhăn nhúm, chắp vá hoặc bị vấy bẩn. Tương tự, tính cách của họ cũng như thế. Áo quần lôi thôi cho thấy đây là những người bất cần, vô lo, hờ hững với công việc và tương lai | -Áo sơ mi trắng(Q02)  - Đồ ngủ(Q05)  - Quần ống rộng(Q14)  - |  |  |  |
| T02 | Cầu kỳ | Tính cách cầu kỳ thường thể hiện sự tập trung vào chi tiết, yêu thích sự phức tạp và tạo điểm nhấn trong mọi khía cạnh của cuộc sống. | nhiều chi tiết như ruffles, nếp gấp, ruy băng, và các cấu trúc phức tạp khác. | Phụ kiện: sử dụng nhiều phụ kiện để tạo điểm nhấn trong trang phục: nón lạ, kính mắt cầu kỳ, túi xách độc đáo, và giày dép độc đáo. | Trang điểm: độc đáo và sáng tạo: màu mắt sáng và đậm, son môi nổi bật, và trang điểm kỳ quái để tạo ra một vẻ ngoại hình ấn tượng. | Tóc: độc đáo và phức tạp, bao gồm việc tạo kiểu tóc bất thường, màu tóc sáng và tóc dài và bồng bềnh. |
|  | Táo bạo | Đây là típ người “nổi loạn”, thích phô trương cá tính bằng bất kỳ thứ gì họ có. Họ muốn chứng tỏ rằng họ khác biệt với đám đông, khao khát khẳng định mình và muốn gây sự chú ý. | Quần áo: bao gồm những thiết kế đặc biệt như váy xòe, áo khoác dáng lạ, quần jeans rách, và các trang phục không truyền thống. |  | Trang điểm: đậm, táo bạo và đầy màu sắc: mắt kẻ đậm, son môi sáng, và trang điểm sáng tạo như lớp mắt màu sắc hoặc đá quý. | Tóc: độc đáo và táo bạo, bao gồm việc nhuộm màu tóc sáng, cắt tóc khá lạ, hoặc thậm chí sử dụng tóc giả với kiểu dáng không truyền thống. |
|  | Tẻ nhạt | Tính cách tẻ nhạt thường được mô tả bởi sự trung tính, đơn giản và không nổi bật, thường thích sự đơn giản và không làm phức tạp cuộc sống của họ | Quần áo: quần áo dáng rộng, áo sơ mi, áo khoác dáng dài, và váy áo với kiểu dáng thanh lịch và đơn giản. | Phụ kiện: tối giản và trung tính: giày dép đơn giản, nón và túi xách có kiểu dáng trung tính | Trang điểm: nhẹ nhàng và tự nhiên, tập trung vào việc làm nổi bật nét đẹp tự nhiên, một lớp trang điểm mỏng và tỉ mỉ. | Tóc: gọn gàng và không có các kiểu dáng phức tạp. Tóc thường được cất vào bên trong hoặc duỗi thẳng. |
|  | Giản dị | Là những người có tính cách đơn giản, không phô trương, và thường ưa thích cuộc sống giản dị và không phức tạp | Quần áo: Áo sơ mi, quần dài và váy đơn | Phụ kiện: một chiếc đồng hồ đơn giản, một dây chuyền tinh tế hoặc một cặp giày lịch lãm. | Trang điểm: nhẹ nhàng và tự nhiên, tập trung vào việc làm nổi bật nét đẹp tự nhiên. Một lớp trang điểm mỏng và tỉ mỉ | Tóc: gọn gàng và không có các kiểu dáng phức tạp, thường được giữ sạch và thẳng tắp. |
|  | Cẩn thận | Người cẩn thận thường có xu hướng chú ý đến chi tiết và sắp xếp cuộc sống một cách cẩn thận | Quần áo: Họ ưa chuộng trang phục có dáng suông và thoải mái, thường chọn quần áo có kiểu dáng thanh lịch và đơn giản. | Phụ kiện: được chọn lựa cẩn thận, với sự tập trung vào các chi tiết tinh tế như dây chuyền, vòng tay, giày lịch lãm, và ví da. | Trang điểm:nhẹ nhàng và tự nhiên, tập trung vào việc làm nổi bật nét đẹp tự nhiên. | Tóc:gọn gàng và không có các kiểu dáng phức tạp. Tóc thường được giữ sạch và thẳng tắp. |
|  | Hướng nội | Người hướng nội là những người thường có tính cách nội tâm và thích tập trung vào bản thân, suy nghĩ sâu sắc, và có thể cảm thấy thoải mái khi ở trong môi trường yên tĩnh và không gây ồn ào | thường là các bộ đồ dáng suông hoặc áo sơ mi, thoải mái và không phức tạp, với dáng rộng và không quá trau chuốt. | Phụ kiện: đơn giản hoặc thậm chí không sử dụng phụ kiện. Nếu họ sử dụng phụ kiện, chúng thường là các loại như kính mắt, giày dép thoải mái và ví cầm tay đơn giản | Trang điểm: nhẹ nhàng và tự nhiên, tập trung vào việc làm nổi bật nét đẹp tự nhiên. Một lớp trang điểm mỏng và tỉ mỉ thường là lựa chọn phổ biến | Tóc: gọn gàng và không có các kiểu dáng phức tạp. Tóc thường được duỗi thẳng hoặc giữ ở dáng tự nhiên. |
|  | Lãng mạn | Người lãng mạn thường có tính cách đa dạng, nhưng có một sự tập trung đặc biệt vào tình yêu, mơ mộng, và cảm xúc. Trang phục của người lãng mạn thường thể hiện tính cách mơ mộng, nữ tính và tạo cảm hứng | Quần áo:váy hoặc áo dáng suông, có hoa văn nhẹ nhàng và chi tiết thêu hoặc ren. | Phụ kiện: làm điểm nhấn trong trang phục như bông hoa, nơ, dây chuyền, vòng cổ và vòng tay để tạo nên sự lãng mạn và nữ tính. | Trang điểm: làm nổi bật nét đẹp tự nhiên và tạo vẻ lãng mạn. Mắt kẻ eyeliner mềm, son môi màu hồng nhạt và má hồng nhẹ | Tóc:mềm mại và tự nhiên, có thể làm xoăn nhẹ hoặc để thẳng tóc |
|  | Thanh lịch | Tính cách thanh lịch thường được mô tả bằng sự tinh tế, tôn trọng và duyên dáng trong cách ứng xử và giao tiếp | Quần áo: Áo sơ mi, áo khoác dáng dài, váy xòe, và quần tây là những lựa chọn thường xuất hiện. | Phụ kiện: tối giản và tinh tế: dây chuyền, vòng cổ, giày lịch lãm và ví cầm tay sang trọng | Trang điểm: nhẹ nhàng và tự nhiên, tập trung vào việc làm nổi bật nét đẹp tự nhiên. Mắt kẻ eyeliner mềm, son môi màu tối giản và má hồng nhẹ | Kiểu tóc: gọn gàng và tự nhiên, có thể làm thẳng tóc hoặc để tóc xoăn nhẹ. Tóc thường được tạo kiểu để tạo nên vẻ tinh tế và đẳng cấp |
|  | Nhiệt huyết | Tính cách nhiệt huyết thường được mô tả như một tính cách đầy năng lượng, sự tập trung cao độ, và đam mê trong mọi hoạt động | Quần áo: có thể là quần jean, áo thun và giày thể thao. | Phụ kiện: điểm nhấn trong trang phục. Họ có thể sử dụng kính râm, nơ, vòng cổ lớn, vòng tay to và giày dép cá tính. | Trang điểm: làm nổi bật đặc điểm cá nhân và có thể sử dụng màu sắc nổi bật. Mắt kẻ eyeliner mạnh, son môi màu đậm và má hồng nổi bật | Tóc: tự nhiên và phóng khoáng. Tóc có thể được để tự nhiên hoặc tạo kiểu bằng cách tạo bóng và thể hiện tính năng động. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | KhiemKhuyet | TrangPhuc | PhuKien | TrangDiem | KieuToc |
|  | Vòng 1 quá lớn | - Áo cổ V  - Áo sơ mi boyfriend hoặc áo thụ động (oversized)  - Áo cổ bẻ:  - Áo suông | - Bông tai lớn  - Khăn cổ  - đai lưng  - Giày cao gót | Mắt kích thước lớn  Son môi màu sáng  Kỹ thuật highlight (tạo bóng) | Tóc bob dài (long bob): Tóc bob dài có thể tạo sự cân đối và làm cho vòng 1 trở nên ít quan trọng hơn.  Tóc đều và thẳng: Một kiểu tóc đều và thẳng có thể làm cho tóc trở nên thấp và tạo sự cân đối với vòng 1 lớn. |
|  | Vòng 1 nhỏ | - Áo cổ tròn hoặc áo cổ bẻ: Áo cổ tròn và áo cổ bẻ thường là một lựa chọn tốt cho người có vòng 1 nhỏ  - Áo polo: Áo polo với kiểu cổ tròn có thể làm cho vòng 1 trở nên đầy đặn hơn.  - Váy áo xòe (skater dress): Váy áo xòe tạo sự cân đối với vòng 1 và làm cho vóc dáng trở nên tự nhiên hơn. | - Túi xách lớn: Sử dụng túi xách lớn để tạo điểm nhấn cho vùng bên dưới vòng 1 và tạo sự cân đối.  - Nơ tóc hoặc hoa tóc: Sử dụng nơ tóc hoặc hoa tóc để tạo sự nổi bật và tập trung sự chú ý vào vùng đầu và vòng 1.  - Dây chuyền dài: Dây chuyền dài có thể tạo điểm nhấn cho vùng ngực và làm cho vòng 1 trở nên đầy đặn hơn. | - Son môi màu sáng: Sử dụng son môi màu sáng để tạo điểm nhấn cho môi và tạo sự cân đối với vòng 1. Màu sáng có thể làm cho môi trở nên lôi cuốn và tạo điểm nhấn.  - Contouring (che khuyết điểm): Sử dụng kỹ thuật contouring để tạo sự cân đối và giảm tập trung vào vòng 1  - Mắt kích thước lớn: Sử dụng mắt kích thước lớn để tập trung sự chú ý lên mắt và làm cho vòng 1 ít quan trọng hơn | - Tóc cắt lớp (layered): Mái tóc cắt lớp có thể tạo thêm độ sâu và kích thước cho vòng 1, giúp tạo sự cân đối với vóc dáng tổng thể.  - Tóc dài: Mái tóc dài có thể tạo sự cân đối và làm cho vòng 1 trở nên đầy đặn hơn. |
|  | Vòng eo lớn | Chọn váy hoặc quần có dây nịt để tôn lên vòng eo. |  |  |  |
|  | Lùn, chiều cao khiêm tốn | Chọn quần áo có dọc sọc hoặc giày cao gót. |  |  |  |
|  | Vòng bụng lớn | Chọn váy hoặc quần có kiểu dáng suông và không ôm sát. Hạn chế sử dụng quần áo có kiểu dáng chặt và ôm sát vùng bụng |  |  |  |
|  | Cổ ngắn | - Áo nỉ cổ V (V-Neck Sweater)(Q39)  - Áo yoga(Q41)  - Áo sơ mi trắng(Q02)  - Áo thun(Q01) | - Dây Chuyền Dây(PK14)  - Dây Chuyền Vòng Cổ(PK24)  - Khăn Len Dày(PK29)  - Nón Rộng và Có Vạt(PK22) | - Trang điểm kiểu Tạo Khối (Contour Makeup)(TD02)  - | Nữ:  - Bob(T22)  - PĩieCut(T21)  Nam:  - Short Crop(T07)  - Crew Cut(T02) |
|  | Cổ dài | Áo nỉ cổ V (V-Neck Sweater)(Q39)  - Áo sơ mi trắng(Q02) | - Dây Chuyền Dáng Chữ Y(PK38) | Trang điểm tự nhiên (Natural Makeup)(TD01) | Nữ:  - Long Wavy Hair(T30)  - Messy Bun(T35)  Nam:  - Man Bun(T12)  - Ponytail(T16) |
|  | Vùng vai rộng | Hạn chế sử dụng áo có viền vai hoặc váy có kiểu dáng nữ tính ở phần vai. Thay vào đó, chọn áo dáng suông hoặc áo sơ mi để tạo sự cân đối. |  |  |  |
|  | Sẹo hoặc hằn | Chọn trang phục với kiểu dáng và màu sắc giúp che đi hoặc tạo điểm nhấn khác. Nếu bạn tự tin với sẹo hoặc hằn của mình, bạn |  |  |  |
|  | Vùng bắp chân to | Chọn quần dài hoặc váy có độ dài tương xứng để tạo sự cân đối và tránh chọn quần áo ngắn cắt. |  |  |  |
|  | Ngực không đều | Chọn áo có gọng hoặc váy có kiểu dáng động tác để tạo sự cân đối |  |  |  |
|  | Vết thâm | Sử dụng trang điểm để che đi hoặc chọn trang phục với màu sắc và kiểu dáng giúp làm mờ những vết thâm và tôn lên làn da |  |  |  |
|  | Vùng bắp tay to | Hạn chế sử dụng áo dáng rộng và áo cánh tay rộng. Chọn áo có dáng suông và kiểu dáng thoải mái để làm cho vùng bắp tay trông tự nhiên hơn. |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **VocDang** | **MoTa** | **TrangPhuc** | **PhuKien** | **TrangDiem** | KieuToc |
|  | Dáng quả táo | Là người có phần vai rộng, phần trên thường lớn hơn quá nhiều so với phần dưới. Bù lại, ưu điểm của người sở hữu vóc dáng này là vòng 1 căng tròn, hông thon gọn và đôi chân không quá to. | Chọn áo Sơ mi, áo blouse hoặc đầm cổ V là lựa chọn hoàn hảo cho bạn.  Chọn quần short hoặc quần cạp cao, ống rộng. Quần ống rộng giúp phần hông và chân cân đối với phần trên to. | Tránh kết hợp cùng phụ kiện to bản hoặc thắt lưng để người khác không chú ý vào phần eo |  |  |
|  | Dáng quả lê | Phần dưới cơ thể to hơn phần trên, cổ và vai nhỏ nhưng hông, đùi, mông lại to. | Chọn trang phục để thu hút ánh nhìn vào phần phía trên, giảm sự tập trung vào phần dưới.  Phối chân váy màu đen, áo trắng. Đây là kiểu phối màu đơn giản, có thể áp dụng trong nhiều trường hợp.  Mặc áo có cổ và tay rộng giúp tạo cảm giác phần thân trên của bạn lớn hơn, cân đối hơn với phần thân dưới. |  |  |  |
|  | Dáng hình chữ nhật | Cơ thể không có điểm nhấn, kích thước vai, eo hông thường bằng nhau | Chọn những bộ trang phục tạo đường cong và khoe được hết phần tay, chân  Những chiếc váy xòe, quần áo có họa tiết, bèo nhúm sẽ tạo cảm giác thân hình mềm mại và cân đối hơn. | Phụ kiện: sử dụng thêm thắt lưng hoặc đai để tạo tạo đường cong cho vòng eo của mình |  |  |
|  | Dáng đồng hồ cát | Vòng eo thon gọn cùng với phần ngực và hông nở nang. Đây được coi là thân hình đáng mơ ước của chị em. | Chọn trang phục tập trung vào phần eo và cổ áo để tôn lên đường cong quyến rũ.  Áo crop-top, váy ôm cũng là lựa chọn lý tưởng với cô nàng may mắn sở hữu thân hình đồng hồ cát. áo có độ rộng vừa phải, tránh để lộ quá nhiều phần ngực khiến bạn trông mất cân đối khi phần ngực và eo chênh lệch với nhau. |  |  |  |
|  | Dáng tam giác ngược | Vòng 1 nhỏ hoặc vừa với vòng eo. Vòng eo thon gọn.Vòng mông to hoặc rộng hơn so với vòng 1 | Sự kết hợp giữa áo sơ mi đơn giản, tối màu với cùng quần hoặc chân váy sáng màu. những chiếc quần Skinny hay chân váy bút chì, không nên diện những chiếc quần rộng thùng thình. |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | NgoaiHinh | MoTa | TrangPhuc | PhuKien | TrangDiem | KieuToc |
|  | Chiều cao | Chiều cao của con người có sự biến đổi lớn, tùy thuộc vào di truyền, dinh dưỡng và các yếu tố khác. |  |  |  |  |
|  | Trọng lượng | Trọng lượng cơ thể con người cũng biến đổi dựa trên yếu tố dinh dưỡng và hoạ động thể chất |  |  |  |  |
|  | Vòng 1 | Vòng 1 thể hiện kích thước và hình dáng của ngực ở phụ nữ. Kích thước và hình dáng của vùng ngực có thể khác nhau đối với từng người và thường được coi là một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá ngoại hình và sự tự tin. |  |  |  |  |
|  | Vòng eo | Vòng eo đề cập đến chu vi hoặc kích thước của vùng eo. Vòng eo thường được xem xét trong việc đánh giá tình trạng sức khỏe, thẩm mỹ và cân nặng |  |  |  |  |
|  | Vòng mông | Vòng mông đề cập đến kích thước và hình dáng của mông. Mông có thể tròn trịa, phẳng hoặc có hình dáng khác nhau tùy thuộc vào gen di truyền và tập luyện thể dục. |  |  |  |  |
|  | Vòng bụng | Vòng bụng đề cập đến chu vi hoặc kích thước của bụng. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá tình trạng sức khỏe, bởi vì một vòng bụng quá lớn có thể liên quan đến tăng cân và các vấn đề sức khỏe khác như bệnh béo phì. |  |  |  |  |
|  | Vòng đùi | Vòng đùi đề cập đến kích thước và hình dáng của đùi, thường được quan tâm đặc biệt trong việc đánh giá ngoại hình, đặc biệt ở phụ nữ. |  |  |  |  |
|  | Hình dáng khuôn mặt | Khuôn mặt con người thể hiện đặc điểm cá nhân, bao gồm kích thước của mắt, mũi, miệng, cằm, và các đặc trưng khác |  |  |  |  |
|  | Màu da | Màu da của con người có sự đa dạng, từ trắng, vàng, nâu đến đen, phụ thuộc vào nguồn gốc và di truyền |  |  |  |  |
|  | Kiểu tóc | Tóc con người có thể có nhiều màu sắc và kiểu dáng khác nhau, ví dụ như tóc đen, tóc nâu, tóc đỏ, tóc bạc, tóc thẳng, tóc xoăn, và tóc kiểu bob |  |  |  |  |
|  | Tầm vai | Tầm vai thể hiện kích thước và hình dáng của vai |  |  |  |  |